

**PHỤ LỤC I:**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN**  
**MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu)*

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/lệ phí thực hiện		
				Phí	lệ phí	Không
<b>TỔNG</b>			<b>46</b>	<b>20</b>		<b>26</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực: Dược phẩm</b>		<b>16</b>	<b>4</b>		<b>12</b>
1	1.004599.000.00.00.H35	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)		<b>x</b>		
2	1.004616.000.00.00.H35	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược)theo hình thức xét hồ sơ		<b>x</b>		
3	1.004596.000.00.00.H35	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		<b>x</b>		
4	1.002934.000.00.00.H35	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT				<b>x</b>
5	1.001893.000.00.00.H35	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc				<b>x</b>
6	1.004459.000.00.00.H35	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược				<b>x</b>
7	1.004571.000.00.00.H35	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				<b>x</b>
8	1.003963.000.00.00.H35	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc		<b>x</b>		
9	1.004087.000.00.00.H35	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh				<b>x</b>
10	1.004529.000.00.00.H35	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế				<b>x</b>
11	1.002235.000.00.00.H35	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT				<b>x</b>
12	1.004532.000.00.00.H35	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)				<b>x</b>

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/lệ phí thực hiện		
				Phí	lệ phí	Không
<b>TỔNG</b>			<b>46</b>	<b>20</b>		<b>26</b>
13	1.004576.000.00.00.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				x
14	1.004449.000.00.00.H35	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt				x
15	1.004557.000.00.00.H35	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc				x
16	1.004604.000.00.00.H35	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược				x
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực: Mỹ Phẩm</b>		<b>7</b>	<b>3</b>		<b>4</b>
1	1.003073..000.00.00.H35	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.				x
2	1.009566..000.00.00.H35	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu		x		
3	1.002483.000.00.00.H35	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm		x		
4	1.000793.000.00.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT				x
5	1.000662.000.00.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo				x
6	1.00099.000.00.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng				x
7	1.002600.000.00.00.H35	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước		x		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng</b>		<b>3</b>	<b>3</b>		
1	1.003108.000.00.00.H35	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.		x		
2	1.003332.000.00.00.H35	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		x		
3	1.003348.000.00.00.H35	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		x		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực: Trang thiết bị, công trình Y tế</b>		<b>3</b>	<b>1</b>		<b>2</b>
1	1.003006..000.00.00.H35	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế				x
2	1.003029.000.00.00.H35	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B				x
3	1.003039.000.00.00.H35	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D		x		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/lệ phí thực hiện		
				Phí	lệ phí	Không
<b>TỔNG</b>			<b>46</b>	<b>20</b>		<b>26</b>
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực: Khám chữa bệnh</b>		<b>15</b>	<b>9</b>		<b>6</b>
1	1.012256.000.00.00.H35	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành				x
2	1.01227.000.00.00.H35	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		x		
3	1.012272.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		x		
4	1.012273.000.00.00.H35	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền				x
5	1.012275.000.00.00.H35	Đăng ký hành nghề				x
6	1.012276.000.00.00.H35	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh				x
7	1.012278.000.00.00.H35	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		x		
8	1.012279.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		x		
9	1.01228.000.00.00.H35	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		x		
10	1.012281.000.00.00.H35	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS				x
11	1.012289.000.00.00.H35	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		x		
12	1.01229.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		x		
13	1.012291.000.00.00.H35	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		x		
14	1.012292.000.00.00.H35	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		x		